

PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

Nay dùng ba môn giải thích:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Giải thích tên đề.
- 3) Quyết nghi.

I. Ý nghĩa:

1) Thừa quyền, thừa thật gồm nói có ba châu:

a) Môn Pháp thuyết.

b) Môn Thí thuyết. Hai thứ này đã xong. Nay là thứ ba môn vừa pháp vừa thí. Trước Hóa thành gọi là pháp thuyết, Hóa thành về sau gọi là thí thuyết. Hai căn thượng trung mỗi một căn đều bảm thọ một thuyết, hạ hạ căn phải trình bày đủ pháp thí. Trước Hóa thành nói về pháp thuyết. Nghĩa là thuyết bắt đầu đời quá khứ kết duyên. Hóa thành trở đi nói về thí chếp: Do quá khứ kết duyên hiện tại lại gặp nhau cho nên lập lại thành thuyết Hóa thành dụ. Đây đủ hai đời từ đầu đến cuối độn căn chính mới lãnh giải cho nên có phẩm này.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, Nghi là nói người Thanh văn bảm thọ kinh Pháp Hoa tức năng giải ngộ hiện tại được thọ ký vị lai thành Phật. Nếu vậy vì sao dùng Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, vì giải thích nghi này cho nên nói về, ba căn Thanh văn từ nhiều kiếp lâu xa đến nay từng phát đại tâm tu hạnh Bồ-tát, nhưng giữa đường quên mất, tạm thời chứng Tiểu quả, nay nghe Đại thừa lại đắc bốn ngộ cho nên hiện tại được thọ ký, vị lai thành Phật, vì giải thích nghi trên nên nói phẩm này. Vì thế, hai châu trên lãnh giải tức là quả đắc ngộ, một phẩm nay nói về được nhân lãnh giải, cho nên tuy có ba châu không ra ngoài hai nghĩa nhân quả.

3) Phẩm Thí Dụ chếp: vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp, nhưng Thanh văn có hai thứ:

a) Bốn thừa Thanh văn.

b) Lui sụt đại chứng tiểu Thanh văn.

Vì hai hạng người này nên nói về hai thứ nói, vì bốn thừa Thanh văn nên nói thẳng pháp môn hiện tại, nghĩa là hiện tại có căn tánh Ba thừa, ở trong nhà lửa ba cõi quyền nói ba xe dẫn khiến được ra, đã được ra khỏi nhà lửa lại dùng các thứ phương tiện điều phục tâm kia khiến tiểu chí dần dần thay đổi đại căn hơi thuần thực, rồi sau vì họ nói tuệ Phật khiến sơ khởi tín tâm. Trên pháp nói hai châu thường nói về ý này nghĩa là hóa bốn thừa Thanh văn.

Vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn, nói pháp quá khứ gồm có ba thời:

- 1) Sơ học Đại thừa.
- 2) Lui sụt đại chấp tiểu.
- 3) Bỏ tiểu ngộ đại.

Hiện tại nói dụ Hóa thành cũng có ba thời:

- 1) Ban đầu nói Đại thừa.
- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.
- 3) Sau lại nói Đại thừa.

Nói như thế là thường thoái đại chứng tiểu Thanh văn, cho nên Thanh văn không ra ngoài hai thứ, ba châu chỉ cho hai môn này, đây đều là phán xét chung, hai môn thông nhau trước sau. Theo ý luận Pháp Hoa nói thật không mà cho là có gọi là người tăng thượng mạn. Do có Tam-muội-Ba-ma-bạt-đề thế gian đối trị đây cho nên nói Hóa Thành Dụ, luận nói về người phạm phu đắc thiên định thế gian chấp phi tướng vô tướng là Niết-bàn, cho nên nay nói về Thanh văn Niết-bàn còn như hóa hưởng gì phạm phu là thật. Muốn người Thanh văn bỏ tiểu Niết-bàn, đắc đại Niết-bàn cho nên nói dụ Hóa thành.

II. Giải thích tên: Trúc Pháp Hộ dịch là phẩm Vãng cổ, đây do từ đầu đặt tên; Ngài La-thập dịch là Hóa Thành Dụ, tức từ văn sau đặt tên, nhưng hai tên đều có một nghĩa. Đề Vãng cổ: được hiểu rõ bắt đầu quá khứ kết duyên, nêu Hóa thành là nói về cuối cùng hiện tại phá chấp, nhưng Vãng cổ ý nói tản mạn nghĩa phá chấp không tập trung, Hóa thành nói riêng bác bỏ bệnh là thiết yếu, vì kia không mà bỗng có nên gọi là hóa, phòng dịch gọi là thành, hiểu dụ hạ căn nói về quả xưa chẳng chân thật đó là mở cửa phương tiện, tiến đến đảo châu báu gọi là hiển nghĩa chân thật, trực kế đặt tên này đủ được bỏ quyền bày thật cho nên dứt chấp dứt nghi, gọi là phẩm Hóa Thành Dụ.

III. Quyết nghi: Hỏi: ba xe, hai sứ giả, một thành đều là quyền, đây có gì khác?

Đáp: Vốn có căn tánh Ba thừa nên nói ba xe, người Nhị thừa lãnh giải biết chỉ một sự thật đây, hai thứ còn lại chẳng chân thật cho nên nói hai sứ giả. Nhị thừa tuy khác, đồng đoạn kiến tư hoặc phiền não đồng đắc vô vi Niết-bàn cho nên gọi một thành.

Hỏi: ba xe cùng ba sứ giả có gì khác nhau ư?

Đáp: Trưởng giả sai người bên cạnh gọi con không được, lại sai hai người gọi con liền được, cho nên một sứ là chân thật hai sứ là phương tiện, nghĩa này đồng với Trưởng giả dùng vật áo bàn ghế hóa con không

được dùng ba xe cứu con được, vạt áo bàn ghế là chân thật, ba xe là phương tiện.

Hỏi: Trong ba xe thì xe lớn là thật hay là phương tiện?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: như đạo lý không hai chỉ có một, thì hai là phương tiện một là chân thật, vì vậy nên trước nói chỉ có một sự thật hai thứ còn lại chẳng thật. Sau lại nói chỉ có một chỗ nghỉ ngơi và Phật thừa nên nói hai.

Hỏi: Nếu vậy đã một sứ giả hóa không được, hai sứ giả hóa liền được, cũng lẽ ra một xe lớn dẫn không được, hai xe dẫn liền được ư?

Đáp: cũng theo lệ, nhưng ý phẩm Thí dụ trong nhà lửa vốn có ba mươi người con không thể chỉ dùng Nhất thừa hóa cho nên dùng vạt áo... cứu không được, vì nói ba xe liền được, nay hai sứ giả chính là một thừa làm dụ, nên một sứ giả gọi không được, hai sứ giả gọi liền được. Nhất thừa là chân thật, Ba thừa là phương tiện: Mà dùng phương tiện mật sai hai người cho nên nhị thừa là phương tiện, cởi áo quý giá mặc áo thô xấu là phương tiện để được gần con, Phật thừa này cũng là phương tiện. Vì sao? Vì không có từ thân phàm phu ở dưới gốc cây mới được thành Thánh vì người Nhị thừa nên phương tiện thị hiện.

Hỏi: hai xe, một thành đều là phương tiện, vì sao thành một mà xe hai ư?

Đáp: Nếu luận chung thì được xen lẫn tương loại, đã được gọi là một thành cũng được gọi là một xe, cho nên Thanh văn, Duyên giác đồng gọi Tiểu thừa. Căn cứ trí có hơn kém đã phân hai xe, cũng được căn cứ người khác nhau chia làm hai Niết-bàn. Cho nên đoạn văn dưới chép: Vì dừng nghỉ nên nói hai Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép: Đời nếu không có Phật chẳng phải không có Nhị thừa đắc hai Niết-bàn. Lại nói Xá-lợi-phất các ông dùng tiểu Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Người Duyên giác dùng trung Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Mà nay xe hai, thành một ấy: là muốn căn cứ căn tánh lợi độn nên nói về trí có hơn kém, do đó chia làm hai xe. Đều vượt ngoài ba cõi đồng nghĩa dừng nghỉ cho nên hiệp làm một thành. Đứng về Đại tông mà nói muốn nói lên nhị thừa khác nghĩa cho nên chia làm hai xe, Nhị thừa lại có nghĩa đồng nên hiệp làm một thành.

Hỏi: Nhị thừa có bao nhiêu nghĩa khác nhau bao nhiêu nghĩa đồng nhau?

Đáp: Nghĩa khác thì nhiều nói lược mười một thứ khác:

1) Căn có lợi độn.

2) Tu nhân dài ngắn, Thanh văn nhanh nhất là ba đời, chậm nhất

là sáu mươi kiếp, Duyên giác nhanh nhất bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp.

3) Khác thời: Thanh văn và Phật đồng đời, Duyên giác và Phật khác đời.

4) Có bi và không có bi như luận Trí độ chép: Như ba thú bị bao vây, Thanh văn như hươu chỉ tự thoát vòng vây Duyên giác như dê, tuy được thoát mà nhớ về con thì có ít bi.

5) Phước đức dày mỏng khác nhau: Duyên giác thân có tướng tốt, nhưng đầy đủ hoặc không đầy đủ, Thanh văn thân hoặc có tướng hảo hoặc không tướng tốt.

6) Có ấn tự không ấn tự khác nhau: Duyên giác trong tay có mười hai nhân duyên ấn tự, Thanh văn trong tay không có tứ đế ấn tự.

7) Hiện thần thông nói pháp khác nhau: Thanh văn thường vì người nói pháp, Duyên giác thường vì người hiện thần thông, dù có nói pháp chỉ nói một bài kệ

8) Lợi ích sâu cạn khác: Thanh văn nói pháp khiến người được bày hiên bày thánh, Duyên giác nói pháp không khiến người đắc pháp Noãn, pháp Đảnh cho đến La-hán. Vì sao? Vì Thanh văn đồng đời với Phật, chúng sanh phước đức lợi căn cho nên nghe nói giáo pháp đắc thành quả Thánh, Duyên giác xuất hiện đời không có Phật, chúng sanh phước mỏng căn độn tuy nghe nói pháp không thể ngộ sâu cũng không có khả năng nói nhiều.

9) Cảnh giới khác nhau: Thanh văn thiên nhãn theo Luận Trí độ và Tạp tâm nói dùng hai ngàn thế giới làm cảnh giới, Duyên giác thiên nhãn dùng ba ngàn thế giới làm cảnh giới.

10) Xuất xứ khác nhau: Thanh văn ra đời, Duyên giác ẩn xứ núi rừng.

11) Tiệm đốn khác nhau: Thanh văn tiệm đắc bốn quả Duyên giác đốn chứng nhất quả.

Nói đồng: nói lược bảy thứ:

1) Dứt hoặc đồng, gọi là đồng dứt hoặc kiến tư.

2) Nghĩa xuất đồng: đồng xuất ba cõi:

3) Trí đồng: Y Đại phẩm nói đồng đắc Nhất thiết trí, y Tiểu thừa đồng đắc Tận vô sanh.

4) Niết-bàn đồng: Đồng đắc hai thứ Niết-bàn hữu dư, vô dư.

5) Thấy đồng: Đồng thấy lý tứ đế.

6) Đồng biết việc quá khứ vị lai tám muôn kiếp.

7) Đồng tên nhất Tiểu thừa.

Hỏi: Các con ra khỏi cửa vì sao không thấy ba xe giữa đường thấy hóa thành ư?

Đáp: y cứ Thí dụ mà nói con ở trong nhà xe ở ngoài cửa là căn cứ nói pháp luân làm thí dụ cha hư chỉ ngoài cửa nói về có ba xe, các con ra ngoài cửa không thấy có ba xe, đây y cứ giáo nay làm dụ muốn nói lên đạo lý không ba làm nghĩa đồng ban cho xe lớn. Cho nên, nương các con ra ngoài cửa không thấy có ba, theo cha xin ba để nói lên không ba. Thành căn cứ thần thông luân làm dụ, thành trên đường đi xa không có vật gì ngăn cách, đồng bạn với các con nên mất tiện thấy. Đây căn cứ giáo xưa mà nói về mọi người muốn thối cho nên khiến họ thấy thành mà vào thành. Nếu dùng thành so sánh xe thì xưa đã thấy thành mà vào thành, xưa cũng thấy xe mà cưỡi xe, xe là Niết-bàn, xưa đã chứng Niết-bàn.

Như Thân tử chép: lúc bấy giờ tâm tự cho là ến diệt độ, nếu dùng xe so sánh thành thì nay ra khỏi cửa đã không thấy xe, nay giữa đường cũng không thấy thành, chỉ Như lai chuyển thế nói pháp, y cứ xưa nay khác nhau nên thành xe có thấy không thấy khác nhau. Lại không thấy xe hiển lý không ba nói về nghĩa thật trí, thấy có thành nói lên phương tiện có ba nói về nghĩa quyền trí. Lại thành xe khác nhau: xe thường dựa vào trí đức hữu vi, lấy đó vận động làm dụ, thành nhiều căn cứ ở Niết-bàn vô vi lấy vắng lặng Nhất thừa đó để lập dụ.

Nói nhân duyên đời trước gồm có ba phẩm: Theo như hai châu trước đều nên có bốn:

- 1) Chính là nói.
- 2) Lãnh giải.
- 3) Thuật thành.
- 4) Thọ ký.

Nay nói dù có ba phẩm mà thích hợp làm hai: Đầu phẩm chính là nói, sau hai phẩm nói về thọ ký, trong đó đều nói về lãnh giải không thể tách riêng. Sở dĩ chỉ nói về hai: Chư Phật nói pháp có lược có rộng, trước vì lợi căn cho nên nói rộng, sau y độn căn cho nên nói lược.

Hỏi: hai châu đầu vì sao trước lãnh giải sau mới thọ ký, nay nói nhân duyên đời trước vì sao trước thọ ký sau mới lãnh giải ư?

Đáp: xưa giải thích rằng muốn tiêu biểu hạ căn đạt ngộ là khó, nay tuy vì nói mà còn chưa rõ ràng nên lại phải thọ ký, giải tâm bắt đầu quyết định mới thuật lãnh giải.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Trước nói tâm còn hoài nghi lo sợ “chưa dám ăn ngay”,

trung căn còn phải đợi thọ ký, giải tâm mới hiểu rõ hướng chi người hạ căn ư! Nay cho rằng đây giải thích tiểu thành khó hiểu, nếu trung căn đợi thọ ký giải tâm mới quyết định thì cũng nên đợi thọ ký mới thuật lãnh giải, nay lại dùng một nghĩa giải thích người hạ căn nghe nói nhân duyên đời trước và hóa thành dụ liền lãnh giải cho nên Như lai liền thọ ký ngay cho họ, được thọ ký rồi mới thuật kia lãnh giải vì muốn nói giáo môn khác nhau nên ba châu được thọ ký lãnh giải trước sau là khác!

Đại ý phẩm này chính muốn nói về đời quá khứ làm mười sáu vị Sa-di vì ông nói kinh Đại thừa, nhưng giữa đường quên mất Đại nên chọn Tiểu, nay lại muốn ông bỏ Tiểu ngộ Đại nên nói Pháp Hoa, nhưng nghĩa này không thể nói thẳng phải trình bày đầy đủ lý do việc đời trước. Nên chia làm hai phần: Đầu: một văn xuôi một kệ tụng, lược thuật quá khứ kết duyên thời gian lâu dài. Kế một văn xuôi một kệ tụng, nói rộng việc kết duyên quá khứ. Căn cứ trước lại có hai: Đầu văn xuôi kể kệ tụng. Văn xuôi có năm:

- 1) Nói về thời gian kết duyên.
- 2) Bấy giờ có Đức Phật v.v.... là nêu Phật kết duyên.
- 3) “Nước đó tên Hảo Thành...” là nói kết duyên.
- 4) Kiếp tên Đại tướng v.v.... là nói tên kiếp kết duyên.
- 5) “Các Tỳ-kheo v.v...” là kết duyên thời gian lâu dài.

Do đó nói về thời gian lâu dài:

1) Muốn chỉ bày các Thanh văn phước mỏng căn độn xưa vốn học kinh Đại thừa cho đến nay trụ trong Tiểu quả thật đáng thương.

2) Là muốn nói về sanh tử lâu dài khiến các chúng sanh khởi tâm sợ hãi sâu xa làm cho đạo tâm vững chắc khiến không còn lui sụt.

3) Muốn khen ngợi Như lai năng biết lâu dài cũng như ngày này khiến người Nhị thừa tự khinh mình ưa thích trí Phật.

4) Muốn nói lên Pháp Hoa là đạo pháp của cổ Phật, Tiểu thừa nghe nói không nên kinh sợ.

Căn cứ trong văn này lại chia năm câu:

- 1) pháp thuyết.
- 2) “Thí như v.v....” là nêu dụ để hỏi Tỳ-kheo.
- 3) “Thưa Thế tôn! không thể biết! v.v...” Tỳ-kheo vâng đáp.
- 4) “Các Tỳ-kheo v.v...” chính là nói về quá khứ lâu dài.
- 5) “Ta dùng trí kiến của Như lai v.v...” là khen ngợi trí Phật.

Luận Địa trì chép: Phật có ba trí:

- 1) Bạc nhất nghĩa thanh tịnh trí gọi là không trí dứt hoặc.
- 2) Nhất thiết trí biết các pháp hữu. Lược biết bốn pháp:

- a) Biết tất cả thời gọi là ba đời.
- b) Biết tất cả giới gọi là thế giới và cõi chúng sanh.
- c) Biết tất cả sự gọi là hữu vi vô vi sự.
- d) Biết tất cả chúng gọi là nhân quả chủng biệt thế gian xuất thế gian.

3) Trí Vô ngại cũng là Hữu trí: đối bốn pháp trên muốn biết thì biết mà không ngăn ngại. Nay nói tri kiến của Như lai tức là hai trí sau lại cũng đầy đủ ba trí. Sở dĩ biết như vậy là do khen ngợi Phật quán nơi lâu xa cũng như ngày nay, đây là xa gần không hai. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm chép: một niệm vô lượng kiếp, vô lượng kiếp trong một niệm, không đến không chứa nhóm mà hiện việc các kiếp.

Kệ văn chỉ tụng ba việc: Nửa bài tụng thứ nhất là thời gian, nửa hàng tụng thứ hai là hóa chủ, sáu hàng còn lại tụng thứ năm quá khứ lâu dài. Trong văn xuôi có năm nay chỉ tụng ba: đầu hai bài tụng thứ hai nói thí dụ hỏi các Tỳ-kheo. Kế hai bài tụng thứ tư nêu quá khứ lâu xa. Kế hai bài tụng thứ năm khen ngợi trí Phật.

“Phật bảo các Tỳ-kheo v.v...” một văn xuôi một kệ tụng nói rộng về việc kết duyên quá khứ.

Văn cũng có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

- 1) Nêu bắt đầu kết duyên quá khứ.
- 2) Nêu hiện tại lại gặp nhau lại vì nói pháp. hai thứ này là quá khứ hiện tại từ đầu đến cuối.

Căn cứ đầu lại có hai:

- 1) Nêu lý do kết duyên.
- 2) Chính nêu kết duyên.

Hai văn đều có hai: Lý do kết duyên có hai:

- 1) Duyên do kết duyên xa.
- 2) Duyên do kết duyên gần.

Trong chánh kết duyên cũng có hai:

- 1) Nêu một đời kết duyên.
- 2) Nêu đời đời gặp nhau.

Trong lý do kết duyên xa chia làm bốn:

- 1) Nêu đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.
- 2) Mười sáu vị vương tử xin Phật xoay bánh xe pháp.
- 3) Thành Phật xong hiện tướng lành.

4) Phạm thiên khắp mười phương nhóm họp cúng dường khuyến xin. Bốn đoạn thứ tư: Ban đầu duyên thuận thực nên thành đạo, do thành đạo nên chúng gần nhóm họp khuyến xin nói pháp, chúng gần tuy đến nhưng chúng xa chưa nhóm họp cho nên hiện tướng lành gọi, người có duyên đồng thấy cho nên chúng xa đều nhóm họp cúng dường khuyến xin. Tuy có bốn đoạn này mà không ngoài hai việc: thứ nhất và ba nêu việc năng hóa, thứ hai và bốn nói về việc sở hóa.

Căn cứ bốn đoạn mỗi đoạn chia làm riêng, hiệp thành mười hai phần kinh. Đoạn đầu có ba:

- 1) Nêu mười kiếp ngỗ đạo tràng chưa thành Chánh giác.
- 2) Chư thiên cúng dường.
- 3) Quá mười kiếp mới thành Phật.

Đầu văn nói về Phật tuổi thọ năm trăm bốn mươi muôn ức na do tha kiếp gồm có ba nghĩa:

- 1) Thành trên quá khứ lâu xa, Phật thọ đã lâu dài như thế, hướng chi sau khi diệt độ trải qua số kiếp như thế.
- 2) Muốn nói về mười kiếp ngỗ đạo tràng và sau nhập định tám muôn bốn ngàn kiếp cho nên trước phải nói về Phật tuổi thọ lâu dài.
- 3) Ba châu nói pháp nói nương quyền thừa thật sắp xong. Muốn xa khai nghĩa tuổi thọ cho nên nói về cổ Phật tuổi thọ lâu dài khiến sau khai Thích-ca tuổi thọ lâu dài mà không sanh kinh sợ nghi ngờ.

Hỏi: Vì sao mười kiếp ngỗ đạo tràng?

Đáp: Vì duyên thích nghi khác nhau, như Thích-ca sáu năm khổ hạnh, Di-lặc xuất gia trong ngày liền thành Phật. Mà nói mười kiếp không thành Phật ấy: Đây muốn đợi vật duyên thuận thực ở trong mười kiếp cho đến thời nay mới thành. Lại có hai lợi ích: chưa thành đạo khiến cúng dường sanh phước cho chúng sanh, thành đạo rồi thọ xin nói pháp khiến chúng sanh được tuệ.

Hỏi: Bồ-đề khó đắc dễ đắc có nghĩa gì ư?

Đáp: Như Đại phẩm có chỗ chép:

1) Căn cứ có phương tiện không phương tiện nói về kia khó dễ, không phương tiện gọi là khó, có phương tiện gọi là dễ, khó dễ nêu ra hai duyên.

2) Bồ-đề thật không có khó dễ; lại môn thế đế nói về Bồ-đề khó đắc, môn đệ nhất nghĩa nêu Bồ-đề dễ đắc lại vì chúng sanh khinh chê Phật đạo nên nói Bồ-đề khó đắc, vì chúng sanh sợ hãi sanh tử lâu dài nên nói Bồ-đề dễ đắc.

Hỏi: Vì sao gọi là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có hai thứ:

- 1) Pháp thân đạo tràng.
- 2) Ứng thân đạo tràng.

Pháp thân đạo tràng: Đạo là đạo quả ba Bồ-đề; Tràng là muôn hạnh. Như kinh Tịnh Danh chép: do muôn hạnh năng thành đạo Ba Bồ-đề cho nên nhân hạnh làm đạo tràng của quả. Ứng thân đạo tràng: ở cõi Ma-kiệt-đà vốn ở dưới gốc cây thành đạo nên gọi là đạo tràng.

Hỏi: Nếu nói nhân hạnh là đạo tràng vì sao kinh Tịnh Danh nói Nhất thiết trí v.v... là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có cả nhân lẫn quả:

- 1) Tức nhân năng khởi đạo gọi là đạo tràng như trước nói.
- 2) Tức quả cũng là đạo tràng, vô thượng hư thông nên gọi là đạo, tức là chỗ bước lên đạo Thánh mẫu nhiệm nầy nên gọi là Tràng.

Nay dùng bốn câu giải thích:

- 1) Đạo mà không phải tràng gọi là đạo vô thượng quả.
- 2) Tràng mà chẳng phải đạo gọi là dưới cây Bồ-đề khởi đạo.
- 3) Vừa là đạo vừa là tràng tức như trước nói gọi là quả đạo tràng.
- 4) Chẳng phải đạo, chẳng phải tràng dứt ba môn trên trở về ngôn ngữ vắng lặng lo nghĩ dứt.

“Lúc ấy, các trời Phạm thiên...” là nói chư thiên cúng dường. “Các Tỳ-kheo v.v...” trải quá mười kiếp đức Đại Thông Trí Thành thành Phật, nhưng thành Phật có hai thứ: Pháp thân thành Phật, như từ mỗi phát tâm đến địa Đẳng giác sau chuyển thành Phật địa Diệu giác, đây là biến dịch sanh tử sắp đổ cho nên pháp thân ngoài ba cõi thành Phật. Y luận Nhiếp Đại thừa nêu ngoài ba cõi có bốn thứ sanh tử, Ba địa trở xuống gọi là phương tiện sanh tử, Tứ địa đến Thất địa gọi là nhân duyên sanh tử, Bát địa đến Thập địa gọi là hữu hữu sanh tử, Kim cương tâm nhất sát na gọi là vô hữu sanh tử. Luận Phật tánh chép: Ba địa là địa thế gian nên gọi là thế đế, cũng là phước đức, phước đức so với trí tuệ thì phước đức là duyên gọi là phương tiện sanh tử. Tứ địa đến Thất địa gọi là xuất thế gian địa cũng gọi là Chân-đế, xứng là trí tuệ, trí tuệ là nhân gọi là nhân duyên sanh tử. Luận nêu dụ rằng: Phương tiện sanh tử như vô minh sanh hành, nhân duyên sanh tử như hành sanh thức, cho nên biết vô minh là phương tiện mà hành chính là nhân. Hữu hữu sanh tử là có sanh cũng có tử, vô hữu sanh tử chỉ có một sát na sanh sau thì chuyển thành pháp thân, pháp thân thành Phật chính là lìa vô hữu sanh tử. Ứng thân thành Phật gồm có hai thứ:

1) Theo Đại thừa, Thập địa hành mãn ngồi dưới đạo tràng, hoặc có cõi tịnh ngoài ba cõi thành Phật, hoặc cõi uế tịnh trong ba cõi thành Phật.

2) Tiểu thừa thành Phật nhất định ở trong ba cõi.

Luận Câu xá có hai thứ giải thích:

1) Phật ngồi dưới gốc cây quán bất tịnh cho đến thứ lớp chứng Tận trí vô sanh trí mới xuất quán gọi là thành Phật.

2) Ngồi dưới gốc cây từ bốn gốc lành thứ lớp nhập Kiến tu đạo ba mươi bốn tâm thành Phật.

Đại Tiểu thừa thành Phật khác nhau: Tiểu thừa từ phàm chuyển thành Thánh, Đại thừa từ Thánh đến Thánh.

Hỏi: Nói theo Tiểu thừa thì Phật là người căn cơ đại lợi không có nghĩa ngồi đạo tràng mà Phật pháp không hiện tiền, trên nói vì sao Phật pháp không hiện tiền ư?

Đáp: Nay y cứ Đại thừa phương tiện trú đời duyên Tam-muội cho nên nói Phật pháp không hiện tiền! Nếu căn cứ Tiểu thừa đức Thích-ca sáu năm khổ hạnh cũng được gọi là Phật pháp không hiện tiền.

Hỏi: sáu năm khổ hạnh là có ngồi đạo tràng hay không?

Đáp: Chẳng đúng, sáu năm khổ hạnh xong thọ dụng sữa rồi sau chọn tòa cỏ nơi đạo tràng mới thành Phật.

“Lúc Đức Phật chưa xuất gia v.v...” là đoạn hai: Nói mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp cũng chia làm ba riêng:

1) Cùng quyến thuộc đến chỗ Phật.

2) Đến rồi cung kính khen ngợi.

3) Chánh xin nói pháp.

Hỏi: Vì sao ban đầu nêu lên mười sáu vương tử mà trước không nói vị tổ của vua Chuyển luân kia ư?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1) Mười sáu vương tử có công xin chuyển pháp luân đại tiểu thừa cho nên nêu trước.

2) Mười sáu vương tử lại có thể giảng giải lại; nay chính là nói về kết duyên với vương tử cho nên nêu trước.

“Tên là Trí tích v.v...” là bình đẳng đại trí đều đã chứa nhóm cho nên năng xin chuyển hai luận và thuật lại kinh Diệu Pháp Hoa. “Đều bỏ đồ báu của mình đi đến chỗ Phật” là ý muốn xuất gia cho nên xả tiểu lạc mà cầu đại lạc. “Các người mẹ khóc lóc theo đưa:” ái tình chưa dứt cho nên khóc lóc, đạo duyên đã hợp cho nên theo đưa.

“Đã đi đến nơi đem đầu mặt kính lễ dưới chân Phật...” Cung kính,

khen ngợi. Văn xuôi ở trước là thân nghiệp cung kính, kế kệ tụng là miệng nghiệp khen ngợi, tự có khen ngợi mà không cung kính, cung kính mà không khen ngợi, vừa cung kính vừa khen ngợi, chẳng cung kính chẳng khen ngợi nay đủ cả hai.

Kệ văn chia làm bốn:

- 1) Một bài rưỡi khen ngợi Phật thành đạo.
- 2) Hai bài khen ngợi ngôi đạo tràng.
- 3) Bốn hàng nêu tự vui mừng.
- 4) Nửa bài kết khen ngợi.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v...” là nêu xin xoay bánh xe pháp, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn kệ có ba:

- 1) Hai bài rưỡi chính là thỉnh nói pháp.
- 2) Một bài rưỡi khen ngợi Phật đức biết căn cơ giải thích có khả năng thọ thỉnh.
- 3) Nửa bài chính là kết thỉnh.

Mà nói một trăm phước ấy: một thiện có năm phẩm tâm, gọi là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Mười thiện hiệp thành năm mươi, đầu có năm mươi tâm cuối có năm mươi tâm cho nên gọi là một trăm phước.

“Phật bảo các Tỳ-kheo...” là đoạn ba: Nói về thành Phật rồi sau hiện tướng lành, sở dĩ hiện tướng lành là muốn rộng nhóm họp người có duyên khiến thọ đạo pháp. Lại mười kiếp ngôi đạo tràng nghĩa là bậc Thánh im lặng ý nghiệp lợi vật, nay nói là phát ra ánh sáng nghĩa là thân nghiệp lợi vật, sau thọ xin nói pháp gọi là miệng nghiệp lợi vật. Lại từ khi thành đạo về sau đầy đủ ba nghiệp lợi vật. Phát ra ánh sáng là thân nghiệp, động đất là ý nghiệp, nói pháp là miệng nghiệp. Văn lại có ba:

- 1) Động địa.
- 2) Phát ra ánh sáng.
- 3) “Lại các cõi nước kia v.v....” nêu chỗ hai tướng lành đến. Sở dĩ phát ra ánh sáng là

1) Tiêu biểu trí sáng chói như mặt trời cho nên thân sáng chói trước.

2) Muốn diệt chướng ngại của chúng sanh.

3) Muốn triệu tập người có duyên khiến biết Phật ra đời. Sở dĩ động đất: là kệ tụng sau giải thích rằng: “Vì giác ngộ chúng sanh, linh động với tất cả khiến chúng sanh biết có Phật ra đời”. Nêu riêng hai tướng lành đến: trước hai chương là lợi ích các chúng, nay mục đích

nhóm họp Phạm vương.

“Bấy giờ phương Đông...” là đoạn bốn: Nêu Phạm thiên mười phương nhóm họp xin xoay bánh xe pháp. Sở dĩ chỉ nói về Phạm Vương xin vì trên nêu mười sáu vương tử trong mười phương là nói chúng gần thỉnh nay nói mười phương Phạm vương thỉnh là chúng xa nói lược gần xa, trung gian đó theo lệ có thể biết cho nên văn sau chép: Lúc các Phạm thiên đến thấy mười sáu vương tử thỉnh và tám bộ cung kính cho nên biết nói lược gần xa thì biết trung gian. Lại mười sáu vương tử là nêu người thỉnh, nay nói thiên thỉnh, vì trời người là khí thọ đạo. Lại mười sáu vương tử là nói về trong quyển thuộc thỉnh nay nói ngoài quyển thuộc thỉnh. Văn cũng có ba:

- 1) Nêu Phạm vương ba phương đến thỉnh.
- 2) Theo lệ nơi sáu phương.
- 3) Biệt nêu phương trên Phạm thiên đến xin.

Ba phương thỉnh tức ba đoạn, mỗi một phương theo lệ có sáu chương:

- 1) Thấy điềm lành sanh nghi.
- 2) Các Phạm thiên tính bàn.
- 3) Tìm ánh sáng đến chỗ Phật.
- 4) Ba nghiệp cúng dường.
- 5) Xin xoay bánh xe pháp.
- 6) Như lai im lặng hứa khả.

“Lúc ấy các vị Phạm thiên vương v.v...” là văn thứ hai. “Bấy giờ có năm trăm v.v...” là văn thứ ba. Ba Tạng Chân-đế chép: Dây áo là vạt áo đứng, nay gọi là vạt áo trước. “Tức thời các vị Phạm thiên vương v.v...” là ba nghiệp cúng dường. Trước văn xuôi nêu cúng dường tài lộc kế nói kệ nêu cúng dường pháp lại trước là thân nghiệp cúng dường, sau là miệng nghiệp cúng dường. Lại trước là cúng dường sau là khen ngợi. Văn xuôi chia làm hai: Nói về cung kính: “liền dùng hoa trời v.v... nêu cúng dường, trước dùng hoa cúng dường tiêu biểu muốn hành nhân. Kế dâng cúng cung điện là tiêu biểu muốn cầu quả. Trong hoa cúng dường trước cúng dường Phật gọi là quả chánh báo, kế cúng dường cây Bồ-đề gọi là quả y báo. Lại trước tiêu biểu người tôn quý, sau tiêu biểu chỗ kính trọng. Dâng cung điện: bỏ chỗ hình tượng nghỉ ngơi muốn cầu nhà thần nương ở.

Văn kệ chia làm ba:

- 1) Hai bài khen ngợi đức của Phật.
- 2) Một hàng trình bày ý đến.

3) Một hàng xin thọ cúng dường.

“Bấy giờ, các Phạm Thiên Vương...” là nói xin xoay bánh xe pháp. Trước cúng dường để cầu phước, nay xin nói để cầu tuệ, lại trước khen ngợi ruộng phước Phật, nay khen ngợi Phật làm thí chủ, lại trước là tự hành, nay xin pháp là hóa tha. “Lúc ấy đức Đại Thông Trí Thắng...” là im lặng nhận lời.

Hỏi: Thời Niết-bàn cũng im lặng mà không hứa nhận cúng dường, nay cũng im lặng làm sao biết nhận lời thích ư?

Đáp: Có người chép: Nhan sắc Phật có khi thay đổi cho nên biết nhận, không nhận! Có người nói thân sáng trên dưới là biểu hiện Phật có nhận, không nhận. Có người nói khi mới thành đạo Phật có xương hiệu.

Im lặng tức là nhận lời xin. Thời Niết-bàn im lặng là không nhận xin. Hai phương còn lại như vẫn. Phương Tây nam cho đến phương dưới v.v... theo lệ như sáu phương.

Phạm vương ở phương trên nói kệ khen ngợi mười hàng rười chia làm hai:

1) Tám hàng rười tám Phật.

2) Hai bài xin Phật nhận cúng dường. Trước khen ngợi sau xin: Đầu khen ngợi nêu Phật có đức cao quý nên sau xin thọ cúng dường.

Căn cứ trong phần đầu khen ngợi: hai bài khen ngợi Phật có đức từ bi: kệ trước khen ngợi đại bi kệ sau khen ngợi đại từ. “Lúc xưa vô lượng kiếp v.v...” có sáu hàng rười khen ngợi Phật khó gặp: bốn hàng rười đầu nêu xưa không gặp Phật. Kế hai bài tự vui mừng nay được gặp Phật. Trong bốn hàng rười đầu chia làm hai:

1) Ba hàng rười nói chúng sanh khởi ái không gặp Phật.

2) “Trụ trong pháp tà kiến v.v...” một bài nêu khởi kiến chúng sanh khởi kiến chấp không gặp Phật.

Hỏi: Phương Đông nam các Phạm vương nói một trăm tám mươi kiếp luống qua không có Phật. Kế phương Nam nói hơn một trăm ba mươi kiếp đến nay mới thấy một lần, nay đây văn này nói lúc xưa vô lượng kiếp luống qua không có Phật vì sao ba chỗ khác nhau ư?

Đáp: Do tìm cầu Phật ứng thế cảm thấy khác nhau, cũng bởi chúng sanh tu hành có dày mỏng khác nhau, cho nên thấy kế đến nỗi khác nhau xa gần, mười ba mươi kiếp người thượng phẩm, tám mươi kiếp người trung phẩm, lúc xưa vô lượng kiếp là người hạ phẩm. Nói lược ba phẩm khác nhau tức tóm lược gồm nhiếp nghĩa cảm ứng.

“Đều mất vui và tưởng vui” là đối cảnh sanh ái làm vui, tâm chấp

cảnh nên gọi là tướng vui. Lại giải thích lạc cho là lạc đầy đủ tướng là thọ lạc, sanh tử không có thật vui nên gọi là tướng vui.

“Lúc bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như lai...” là nói lý do gần, do cách xa trở lại giảng giải gần nên gọi lý do gần cũng chia làm bốn:

- 1) Thọ xin nói pháp luân Tiểu thừa.
- 2) mười sáu vương tử xin chuyển pháp luân Đại thừa.
- 3) Thọ thỉnh nói pháp.

4) Nói kinh xong nhập định. Trước nói về nói Tiểu thừa, ba phần sau biện nói Đại thừa, căn cứ bốn chương này mỗi chương chia ba đoạn cũng hiệp thành mười hai chương kinh.

Đầu ba chương:

- 1) Nêu thọ xin.
- 2) Nêu một hiệp nói pháp.

3) Nêu nhiều hiệp nói pháp. Đầu văn trước nêu mười phương Phạm thiên sau nêu mười sáu vương tử, là văn trước từ gần đến xa cho nên trước nêu nhận sau nêu thiên, nay từ thiên đến nhân là từ xa đến gần.

“Tức thời ba phen xoay bánh xe pháp...” chánh nêu nói pháp. Văn có hai:

- 1) Nói tứ đế.
- 2) Nói thập nhị nhân duyên.

Căn cứ nói tứ đế chia làm ba:

- 1) Nêu ba phen chuyển mười hai hành.
- 2) Nêu những người còn lại không thể chuyển.
- 3) Chính là nói về ba phen chuyển.

Nói ba phen chuyển:

- 1) Thị chuyển: Đây là Khổ, là Tập, là Diệt là Đạo.

2) Khuyến chuyển: khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu.

3) Chứng chuyển: khổ ta đã biết, tập ta đã đoạn, diệt ta đã chứng, đạo ta đã tu. Dẫn Phật làm chứng chuyển, lại có một đế ba lần chuyển gọi là khổ khổ nên biết, khổ ta đã biết, ba đế còn lại cũng vậy. mười hai hành: nếu dùng giáo làm pháp chuyển, nói một thai thứ giáo này phát sanh giải cho chúng sanh, giải hành nơi cảnh cho nên gọi là hành. Lại Đức Phật như hành mà nói, chúng sanh đúng như lời dạy mà tu hành cho nên nói mười hai hành. Nếu lấy giải làm thể pháp luân thì một phen chuyển sanh bốn hành gọi là nhãn, trí, minh, giác, nhãn là pháp nhãn,

trí là pháp trí, minh là tử nhãn, giác là tử trí, một phen chuyển sanh bốn hành nên gọi là mười hai.

Hỏi: một phen chuyển đã sanh bốn hành thì sanh bốn pháp nhãn, bốn pháp trí, bốn tử nhãn, bốn tử trí, sanh hành đã đủ, hai phen chuyển sau lại nói về chỗ nào ư?

Đáp: Thành luận sơ chép: sơ chuyển sanh Văn tuệ, kế chuyển sanh Tư tuệ, sau chuyển sanh Tu tuệ. Theo tông chỉ Bà-sa vì hàng ba căn nên có ba phen chuyển: sơ chuyển thượng căn tức ngũ sanh nơi bốn hành, cho đến ba phen chuyển người hạ căn ngũ cũng sanh bốn hành. Nay hàng ba căn hiệp luận nên có mười hai hành, nếu rộng khai thì có bốn tám pháp luân. Sơ chuyển bốn hành gọi là kiến đạo thập lục tâm, hai phen chuyển còn lại mỗi phen có mười sáu hiệp thành bốn mươi tám. Lại sơ chuyển sanh vị tri dục tri căn, kế chuyển sanh Tri căn, sau chuyển sanh dĩ tri căn. Lại sơ chuyển sanh Kiến đạo, kế chuyển sanh Tu đạo, sau chuyển sanh Vô học đạo. Y đức Thích-ca đến vườn Nai nói pháp, hàng trời người chỉ chứng sơ quả, nên dùng trước căn cứ hàng ba căn giải thích. Nếu y đức Đại Thông Trí Thắng nói pháp đều chứng đắc A-la-hán thì nên dùng hai nghĩa ba căn ba đạo giải thích.

Hỏi: Y Tỳ-đàm tông dùng gì làm thể pháp luân ư?

Đáp: Tạp Tâm chép: Đức Mâu-ni nói kiến đạo nhanh nên gọi pháp luân, nghĩa là kiến đế giải khởi đầy đủ giới định tuệ, dùng ba thứ giới làm trục xe ba thứ tuệ làm nan xe, hai thứ định làm vành bánh xe, ba thứ giới gọi là chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng, ba thứ tuệ là chánh kiến chánh tư duy chánh tinh tấn, hai thứ định là chánh định, chánh niệm. Nói luân ấy: nghĩa là luân chuyển, quán khổ cõi Dục, kế quán khổ cõi trên, kế cho đến đạo cõi Dục, kế quán đạo cõi trên, do ba cõi tứ đế trên dưới luân chuyển cho nên gọi là luân. Dứt hoặc kiến đế là luân dụng chiếu cảnh bốn đế làm luân hành bốn phương.

Hỏi: Tỳ-đàm nói Kiến đạo chỉ có năm mươi tâm làm sao đủ mười hai hành ư?

Đáp: Đạo, tử trí là thuộc loại Nhãn, ấn chứng kiến đế hoặc không có, nhưng chẳng gồm nhiếp Kiến đạo, luận Thành Thật nói Kiến đạo chỉ có một không hành, cũng không có mười hai hành, cho nên hai nhà số luận giải thích mười hai hành đối với văn là khó hiểu.

Riêng có kinh nói mười hai nhân duyên là mười hai hành, nếu vậy ba phen chuyển gọi là bốn đế mười hai hành, căn cứ mười hai nhân duyên hai việc hiệp nói.

“Hoặc là Sa môn v.v...” là nêu người khác không có khả năng

chuyển. Người trí tuệ có hai hạng: xuất gia làm Sa môn, tại gia là Bà-la-môn, trời có hai hạng: Dục thiên chủ là ma, sắc thiên chủ là phạm. “Và các thế gian khác:” đây là trời người bên ngoài gọi là khác.

Hỏi: Người Ba thừa đều đắc kiến đạo đế, vì sao nói chỉ có Phật năng chuyển các người khác không thể ư?

Đáp: người Nhị thừa tuy năng nhập kiến đế đạo thành Vô học mà không có Nhất thiết trí, không thể khéo hiểu cơ duyên không làm cho chúng sanh tin hiểu được, cho nên không thể chuyển. Lại Phật có thể tự chuyển, vì người khác chuyển. Thanh văn không thể tự chuyển, không vì người khác chuyển, Duyên giác tuy năng tự chuyển mà Duyên giác ra đời không có người khác thành Thánh, nên không thể vì người khác chuyển được. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Duyên giác nói pháp không thể khiến người đắc pháp Noãn v.v...

Nói: “Đây là khổ v.v...” chính là nói về ba phen chuyển. Nói lược kỳ một. Và nói rộng mười hai nhân duyên v.v... sở dĩ nói về mười hai nhân duyên ấy có hai nghĩa:

1) Nói rộng nghĩa Tứ đế trên, nói rộng khổ tập làm mười hai tướng sanh, nói rộng diệt đạo mười hai tướng hoàn diệt.

2) Lúc ngồi có hai thứ căn duyên: a) Cầu Thanh văn. b) Cầu Duyên giác.

Vì cầu Thanh Văn nói tứ đế, vì cầu Duyên giác nói mười hai nhân duyên, cho nên phẩm Tín Giải nói mật sai hai người tức việc này.

Nói vô minh:

1) Là hiển bày chung ẩn che riêng cho nên nói vô minh, ở đời quá khứ tất cả phiền não đều có nghĩa ám hoặc mê lý, y cứ nghĩa chung này nên nói vô minh.

2) Vô minh phiền não mê bốn tế tập khởi sanh tử, sức kia rất mạnh do mạnh, nên gọi là vô minh.

Vô minh có bốn:

1) Mê lý vô minh; tức nói là mê lý hai đế Địa kinh chép: Biết thế đế bậc nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh.

2) Phát sanh nghiệp vô minh: có chỗ nói ba căn ba độc phiền não, ba căn phiền não năng phát tư nghiệp, ba độc phiền não phát thân miệng nghiệp.

3) Phú nghiệp vô minh: nghĩa là tạo nghiệp rồi lại đối với cảnh trước khởi tham sân v.v... lại giúp nghiệp trước khiến nuôi lớn thêm.

4) Nhuận sanh vô minh: Nếu theo luận Thành Thật thì chỉ ái năng thấm nhuần còn các thứ khác chỉ xa giúp. Nếu căn cứ nghĩa này thì

nhuận sanh tức hẹp chỉ do ái, thọ sanh thì rộng chung ở các kết, Địa kinh cũng vậy. Cho nên kinh kia nói nước ái làm thấm nhuần, vô minh che lấp rười thấm tâm ta. Luận Tỳ-đàm chép: Nhuận sanh, thọ sanh các kết đều có khả năng, chỉ triển cấu... có công năng thấm nhuần, không thể thọ sanh.

Hành: nghĩa là ba hành tội phước bất động, cũng là ba hành thân miệng ý chí thức: gồm có ba thứ:

1) Hạt giống tâm thức tác hành về sau thọ sanh trước có tâm thức bị nghiệp phiền não huân tập phát nên năng sanh quả đời sau thức gọi là chi thức.

2) trong vô minh hành có tâm thức cũng gọi là chi thức.

3) Thọ sanh tâm thức gọi là chi thức, nghĩa là chỉ sanh một niệm thức nhiễm ô. Danh sắc chi: bốn ấm gọi là danh, sắc ấm gọi là sắc, ngay lúc bấy giờ bốn ấm vừa thành lập, có danh mà chưa có dụng nên gọi là Danh. Lại giải thích hai chữ danh sắc chỉ gọi là sắc, đây là sắc bên trong, thọ tên chúng sanh khác với sắc bên ngoài. Lại giải thích sắc ngay nơi thể pháp mà gọi, tâm từ năng thuyên danh tự thọ xưng, do tâm pháp ẩn dấu cho nên dùng năng thuyên để gọi tên. Sáu nhập: sanh thức xứ gọi là nhập, sắc thêm lớn gọi là năm nhập, danh thêm lớn gọi là ý nhập.

Xúc chi: xúc đối trước cảnh nên gọi là xúc. Theo Tỳ-đàm giải thích xúc có năm thứ:

1) Tăng ngữ xúc: nghĩa là ý địa xúc thường hay phát sanh ngôn ngữ.

2) Hữu đối xúc: trong năm thức tương ứng xúc xúc đối hiện cảnh cho nên gọi là hữu đối.

3) Minh xúc nghĩa là xúc vô lậu.

4) Vô minh xúc: nghĩa là các phiền não tương ứng xúc.

5) Xúc trong xứ nghĩa là tất cả xúc hữu lậu.

Nói thọ: hoặc tổng gọi một thọ, hoặc chia làm hai, nghĩa là hai thọ thân tâm, năm thức tương ứng gọi là thân thọ, ý thức tương ứng gọi là tâm thọ, hoặc ba hoặc năm hoặc sáu, sáu căn sanh thọ, hoặc mười tám: sáu ưu sáu hỷ sáu xả, đây cũng có hai: cấu và tịnh, thành ba mươi sáu, nói về ba đời hiệp thành một trăm lẻ tám thọ. Nói ái: kinh Niết-bàn chép: Nhiễm tập một ái. Lúc bấy giờ, chỉ có thật ái chưa có dục ái cho nên gọi là một. Nói thủ: Phiền não đã nặng, bốn phương rong ruổi tìm cầu cho nên gọi là thủ. Luận Tỳ-đàm chép: bốn thủ nhiếp đủ một trăm lẻ tám phiền não, trong cõi Dục phiền não ngoại trừ nơi giới kiến

nên gọi là dục thủ, do duyên dục bên ngoài nên gọi là dục thủ. Hai cõi trên phiền não ngoại trừ giới kiến duyên bên trong sanh gọi là ngã ngữ thủ, hai phần thượng hạ giới này khác nhau nên chia làm hai thủ. Kế ba cõi bốn kiến gọi là kiến thủ, ba cõi giới thủ gọi là giới thủ, hai thủ này thông cả ba cõi mà luận, độn sử chia làm hai thủ, lợi sử chia làm hai thủ. Nếu y Thành luận: Thân kiến một sử gọi là ngã ngữ thủ, thật không có ngã thể chỉ chấp ngã danh nên gọi là ngã ngữ, dựa vào thân kiến này khởi nơi biên kiến thủ chấp đoạn thường. Nếu kiến chấp đoạn tức chấp năm dục gọi là dục thủ, do không có đời sau nên tham lạc hiện tại. Nếu chấp thường thì có lợi có độn, nếu độn căn thì liền giữ giới mong vui đời sau gọi là giới thủ, nếu lợi căn nói thân là thường khổ vui bất kiến thì không tội phước cho nên khởi thuyết tà kiến gọi là kiến thủ. Luận Thành Thật nói bốn thủ nhiếp hoặc bất tận. Nói hữu: nghiệp có thể lôi kéo vào ba cõi nên gọi là hữu, lại gồm có quả vị lai nên gọi là hữu, thức đời hiện tại gọi là sanh đời vị lai, hiện tại danh sắc trở đi bốn quả gọi là lão tử, mười hai duyên nghĩa rộng, nay giải thích sơ tên gọi lược.

“Khi nói pháp đó v.v....” là nói ngộ đạo, muốn hiển bày thuyết giáo không sai cho nên nói đặc đạo. “Không thọ tất cả pháp v.v....” tâm không yêu đắm nên gọi là không thọ. Có người chép: Không quán hiện tiền không thọ ba hữu nối kế nên gọi là không thọ. Có người chép: người đặc đạo năm căn duyên năm trần không khởi phiền não, không khởi phiền não nên không tạo nghiệp ác, không có nghiệp ác nên không thọ quả báo trong ba đường ác nên gọi là không thọ.

“Lúc nói pháp lần thứ hai lần thứ ba lần thứ tư v.v...” là nói về nhiều hội nói pháp, nhưng Di-lặc có ba hội: Đức Thích-ca độ chúng sanh hàng ba căn còn sót lại, ở đời Đức Phật Thích-ca có người giữ gìn năm giới hội đầu đặc đạo, người thọ ba qui hội kế đặc đạo, người xưng danh hiệu nam mô Phật một lần ở hội thứ ba đặc đạo, lại có riêng cùng đức Di-lặc kết duyên, lại vì họ nói pháp, không chỉ hạn cuộc nơi ba hội, nay hội thứ tư nói pháp đại loại như thế có thể biết. Văn cũng có hai: ban đầu nói pháp, kế nói ngộ đạo ở văn dễ biết.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v...” xin nói pháp luân Đại thừa. Sở dĩ xin là gồm có hai nghĩa:

1) Thấy các người đều thành La-hán đại căn cơ thuần thực cho nên vì họ thỉnh nói Đại thừa.

2) Xa muốn chê trách Thanh văn, hạ căn ngày nay, nói về ta ngày xưa vì các ông mà xin nói Pháp Hoa, hướng chi nay thành Phật mà không vì ông nói kinh Đại thừa ư! Từ xưa đến nay trải qua gồm biết bao

lần nói mà vẫn như cũ không hiểu đây là rất ngu! Văn này cũng có ba:

- 1) Vì xin nói nên xuất gia.
- 2) Chánh xin.
- 3) Vua và quyền thuộc cũng theo xuất gia.

Điều là đồng tử mà xuất gia làm Sa-di: bốn tuổi trở lên gọi là đồng tử tức tiêu biểu Bồ-tát tu hành đồng chân, lại nhỏ mà ngộ đạo thì chúng đều qui phục. Xuất gia: là muốn thông hóa đạo tục:

- 1) Người tại gia không được hóa độ cho người xuất gia.
- 2) Muốn dẫn dắt tám muôn ức người khiến họ xuất gia.

Sa-di: Hán dịch là Tức ác hành từ (dứt ác làm lành), muốn tiêu biểu Bồ-tát vì chúng sanh thỉnh pháp có đại từ. Trước xưng Trí Tích nêu môn trí tuệ, nay xưng Sa-di nói về môn công đức làm Sa-di trở lại giảng giải, tiêu biểu tuổi nhỏ mà sớm ngộ đạo ở đời rất hi hữu, khiến chúng sanh tin. Như Thân tử tám tuổi lên tòa nói pháp đạo tục tán dương rung chuyển nổi tiếng xa gần.

“Điều bạch Phật rằng:” là chánh xin. Thanh văn đều đã thành tựu có hai nghĩa:

- 1) Muốn khiến họ hồi tiểu nhập đại.
- 2) Nêu đã hóa tiểu nay lại phải giáo đại.

“Lúc bấy giờ vua thánh Chuyển luân.” Là nói về vua và quyền thuộc xuất gia. Do thấy vương tử xả bỏ vương vị nên họ cùng theo xuất gia.

“Lúc bấy giờ Đức Phật v.v...” là nói Phật nhận lời xin, nói pháp Đại thừa. Văn cũng có ba:

- 1) Chánh thọ xin nói pháp.
- 2) Nêu thời chúng cảm ngộ khác nhau.
- 3) Nêu thời gian nói kinh.

Hỏi: Đức Phật kia nhận lời xin của Sa-di liền nên nói pháp, vì sao quá hai muôn kiếp sau mới nói ư?

Đáp:

1) Là muốn cho chúng sanh phát tâm ân cần tôn trọng như Đàm vô kiết hơn sáu năm mới nói Bát-nhã.

2) Theo lệ trên mười kiếp ngồi đạo tràng đợi duyên thuận thực, nay cũng vậy.

3) Hoặc có thể theo lệ đồng đức Thích-ca nói Tiểu thừa rồi sau trước Pháp Hoa nói về hai thứ giáo:

- a) Phó chúc tài sản thâm hóa gọi là Bát-nhã giáo.
- b) Các kinh Phương đẳng rèn luyện tiểu tâm, dùng hai môn này

điều phục tiểu tâm rồi, sau mới được khiến nhập tuệ Phật. Cho nên, kệ dưới chép: Nói sáu Ba-la-mật và các việc thần thông, tức kia chứng minh.

4) Chư Phật giáo pháp khác nhau, hoặc ban đầu nói giáo Ba thừa sau nói Nhất thừa, tức đức Thích-ca, Đấng Minh hoặc ban đầu nói Nhị thừa sau nói Nhất thừa tức Phật Đại Thông Trí Thắng.

“Đức Phật nói kinh ấy rồi..,” Nói chúng lúc ấy cảm ngộ khác nhau. Trong đây có ba căn: Thượng căn tức là mười sáu Sa-di, trung căn là hàng Thanh văn cũng năng tin hiểu, Sa-di trước phúng tụng kể tin hiểu nghĩa là hẳn muốn giảng lại phải đủ hai nghĩa:

1) Tụng trì.

2) Đắc ý, cho nên phải đủ hai.

Người hạ căn đều sanh nghi ngờ có bốn thứ nghĩa:

1) Trung căn Thanh văn đối Phật có duyên đều đắc tin hiểu, còn lại chúng sanh là kết nhân duyên lại với mười sáu vị Sa-di nên Phật không thể độ, việc giảng giải lại khởi từ chúng sanh kia.

2) Muốn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa chúng sanh có tin và không tin, nay nói lên hiện tại hàng ba căn có người ngộ có người không ngộ.

3) Muốn khuyên người hạ căn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa hàng lợi căn năng tin hiểu người độn căn sanh nghi ngờ, Tỳ-kheo các thầy nên đồng lợi căn, sao lại nói đồng độn căn ư!

4) Nói về ta và các thầy đồng ở trong hội kia cùng nghe Pháp Hoa, ta do sớm ngộ nay ông còn chưa hiểu, thật là đáng thương!

“Phật nói kinh đó suốt tám ngàn kiếp...” là nói thời gian nói kinh, do văn kia rộng nên thời gian dài, do đó văn dưới chép: nói kinh Pháp Hoa này như hằng hà sa kệ. “Phật nói kinh đó rồi v.v....” là nói thuyết kinh xong nhập định. Văn có ba:

1) Chính là nói về nhập tĩnh thất.

2) “Trụ trong thiền định v.v...” nói trụ định.

3) tám muôn bốn ngàn kiếp v.v... nêu thời gian trong định.

Sở dĩ nhập định: Muốn khiến mười sáu Sa-di thuật diễn lại kinh Pháp Hoa, chỉ vì Chư Phật giáo hóa tùy nghi khác nhau. Kinh này từ đầu đến cuối lược có ba thứ:

1) Đức Phật Đấng Minh nói Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, đây nói về đối Phật kết duyên người ứng độ đều đã độ xong.

2) Văn này nói về ở Phật kết duyên độ có hết và không hết, hàng lợi căn độ đã hết, người độn căn độ chưa hết, Đức Phật phải xuất định

khen ngợi Sa-di khiến chúng sanh gằn gủi cho nên Phật chưa được nhập diệt.

3) Đức Phật Thích-ca nói Pháp Hoa xong không còn nói lại nữa, do ứng nghe Pháp Hoa được liễu ngộ xong cho nên không còn nói Pháp Hoa lại mà vẫn nói riêng Niết-bàn.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di v.v...” là chính nói kết duyên. Duyên trước do có hai: Xa, gằn, nay cũng chia hai:

1) Nêu ngày xưa kết duyên.

2) Biện đời đời gặp nhau, hai văn mỗi mỗi có bốn hiệp thành tám đoạn kinh.

Văn đầu có bốn:

1) Nêu biết Phật nhập định là lý do giảng lại kinh.

2) Chính vì chúng mà giảng lại.

3) Nói chúng đương thời mong được lợi ích.

4) Nói Đức Phật khen ngợi.

“Mỗi vị đều lên pháp tòa...” Ban ngày ánh sáng lụi dần liền ánh sáng mặt trăng kế chiếu rọi. Như lai ẩn bóng nên Bồ-tát phát huy. “Mỗi vị đều độ v.v...” chúng được lợi ích. Chỉ dạy cho được lợi mừng: luận Trí Độ quyển năm mươi bốn chép: Thị: là chỉ bày thiện ác, Giáo: là dạy bỏ ác theo thiện, lợi: là người chưa đắc pháp vị, tâm sanh thối lui, vì họ nói quả Niết-bàn cao quý khiến họ tu nhân thiện khiến tâm họ thấy lợi ích gọi là lợi. Hỷ là tùy chỗ tu hành mà khen ngợi khiến cho họ vui mừng. Nếu người nào ưa bố thí thì khen ngợi sự bố thí, dùng bốn việc này trang nghiêm nói pháp.

Nay căn cứ Pháp Hoa giải thích bốn việc:

1) Chỉ cho biết Ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật cho nên gọi là thị.

2) Khiến bỏ Ba thừa nhập Nhất thừa nên gọi là giáo.

3) Nói quả Ba thừa kém quả Nhất thừa hơn khiến cho chúng sanh tu nhân Nhất thừa khiến tâm họ thấy được lợi ích gọi là lợi.

4) Xem xét căn duyên kia hoặc dùng môn pháp thuyết để nói Nhất thừa, hoặc dùng môn thí thuyết để nói hoặc dùng nhân duyên đời trước để nói, tùy chỗ ưa thích ứng căn cơ nói pháp khiến sanh vui mừng cho nên nói hỷ.

“Đức Phật Đại Thông Trí Thắng v.v...” là nói Phật khen ngợi. Do các vị ấy nói pháp hợp lý xứng căn cơ, nay muốn khiến cho chúng tín nhận nên Phật ấn chứng khen ngợi. “Các ông phải thường gằn gủi mà cúng dường các vị ấy”. Do có duyên với Sa-di cho nên khiến gằn

gửi, như Chư Phật trong mười phương khuyên Thường Đề gần gũi Pháp Dũng.

“Đức Phật bảo các Tỳ-kheo...” là nói về kết duyên rồi đời sau gặp nhau. Văn chia có bốn:

- 1) Nêu sở hóa được lợi ích.
- 2) Nói năng hóa được lợi ích.
- 3) Kết hợp xưa nay.
- 4) Nêu đời vị lai gặp nhau.

Văn đầu có ba câu:

1) Sa-di thường ưa nói Pháp Hoa, do Pháp Hoa nói về Phật thừa Bồ-tát thường cầu quả Phật cho nên thường ưa nói. Lại, Pháp Hoa kết hội nhập từ đầu đến cuối nhiếp đủ tất cả giáo, nếu nói Pháp Hoa thì nhiếp tất cả giáo.

2) “Mỗi vị Bồ-tát đó v.v...” là nêu duyên hiện tại được lợi ích.

3) “Đời đời sanh ra v.v...” là nói về thời sau được lợi ích.

Hỏi: Trong đây kết duyên sau thường gặp nhau, vì sao cha con cùng tử thất lạc nhau không gặp nhau?

Đáp: Có người nói trong đây nói về đời đời gặp nhau là căn cứ lớn mà luận một kiếp, hai kiếp, thường được gặp nhau còn cùng tử không thấy nhau là luận theo nhỏ một đời hai đời không thấy nhau. Nay cho rằng kết duyên với Sa-di có ba phẩm:

1) Thượng phẩm như trong đây nói được gặp nhiều Phật cùng thấy đồng sanh đời quá khứ liên ngộ.

2) Hạng trung phẩm như văn dưới nói, nay trú địa vị Thanh văn quá khứ không ngộ Pháp Hoa, hiện tại gặp đức Thích-ca nghe Nhất thừa mới ngộ tức là cùng tử.

3) Hạng hạ căn như văn sau nói đệ tử đời vị lai, hiện tại không kính thờ pháp sư, vị lai tùy chỗ nghe nên mới được ngộ. Do có ba căn dựa theo ba đời đắc ngộ khác nhau, cho nên văn này không trái với cùng tử.

“Đến nay vẫn chẳng hết”: là thiện căn quá khứ chưa hết, gặp được nhiều Đức Phật còn chưa hết. “Các Tỳ-kheo v.v....” là nói năng hóa được lợi ích. Sở dĩ nêu năng hóa được lợi ích: là để kích động người hạ căn: Rõ ràng ta nghe Pháp Hoa liền tiến thành Phật, ông nghe Pháp Hoa vì sao lại thoái làm Thanh văn, thật là đáng thương! “Các Tỳ-kheo lúc chúng ta làm Sa-di...” là kết hợp xưa nay. Văn có ba:

1) Nêu lại hàng thượng căn.

2) Các chúng sanh đó đến nay có người trú địa vị Thanh văn là nói

người trung căn ở quá khứ.

3) Những hạng người này đáng dùng pháp ấy mà dẫn vào Phật đạo, là trên giải thích thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng. Có người nghi: Đã thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng sao nói pháp Thanh văn, lại xưa vì Sa-di còn nói đại đạo, nay vì sao lại nói Tiểu thừa, vì vậy cho nên giải thích rằng nói pháp Thanh văn dần dần khiến nhập Phật đạo, do tuệ Phật mâu nhiệm nên không thể đốn nhập, nên biết nói Tiểu thừa là bước đến nói Đại thừa. Lại xưa có căn cơ Đại thừa nên nói đại, chỉ vì thoái đại chấp tiểu cho nên nay nói tiểu.

“Các chúng sanh được hóa độ trong thuở đó”: Nêu chánh hợp xưa nay. “Sau khi ta diệt độ v.v...” là nêu đời vị lai gặp nhau tức nêu người hạ căn. Đây là sau khi Phật diệt độ tu đạo thành A la hán, người ấy khi mạng dung sanh về tịnh độ, đức Thích-ca ở trong cõi tịnh lại có tên khác, vì người này nói kinh Pháp Hoa mới đắc ngộ. Sở dĩ nói việc ấy là nói về không có rốt ráo mãi mãi trụ Nhị thừa, cần phải nghe Pháp Hoa rồi sau mới thành Phật, khuyên người hạ căn kịp thời tin nhận.

Hỏi: tướng trạng của ba hạng căn như thế nào?

Đáp: Hàng thượng căn chỉ một lần nghe Pháp Hoa đời đời gặp thầy nhau, sau gặp bốn muôn ức Phật sớm ngộ Nhất thừa. Người trung căn thoái đại chấp tiểu gặp được Đức Phật Thích-ca ở hội Linh Sơn. Người hạ căn cũng thoái đại chấp tiểu không gặp được Đức Phật Thích-ca cũng không nghe kinh Pháp Hoa, ở đời vị lai gặp được Phật nghe kinh Pháp Hoa mới được liễu ngộ.

Hỏi: Vì sao nói lại có tên khác ư?

Đáp: đức Thích-ca là tên Đức Phật ở cõi uế, nay ở cõi tịnh hóa độ chúng sanh nên lại có có tên khác.

“Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như lai...” Nói về hiện tại gặp nhau lại vì nói pháp. Lại chia làm bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Nêu thí hiệp.

Pháp nói chia làm hai: đầu nêu nói đại kế biện nêu tiểu. Nếu y thứ lớp trên, trước nêu nói tiểu sau nêu nói đại, Nay chỉ xa tìm lại ngày xưa đã từng theo thọ đại hóa cho nên nay lại nói đại pháp, giữa chừng phứt bỏ, tập ở Tiểu thừa nên kế nói tiểu. Sau trong thí nói nghĩa cũng đồng như. Lại Chư Phật nói pháp có hai:

- 1) Từ thật khởi quyền.

2) Gom quyền về thật.

Trên thường nói về nhiếp quyền qui thật, nay muốn nói từ thật khởi quyền. Trong nói đại có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

Trong biết căn cơ có năm câu.

1) Thời nói pháp.

2) Nhập đại Niết-bàn nghĩa là khai căn cơ Niết-bàn thuần thực, nay là duyên Nhất thừa thuần thực là thời sắp Niết-bàn, cho nên phẩm Tín Giải chép: đến giờ sắp chết ông gọi người con đến.

3) Chúng lại thanh tịnh: là dùng bốn giáo điều phục cho tâm kia mềm mỏng cho nên được thanh tịnh, dùng trời người và giáo Nhị thừa điều phục tâm kia cho nên không còn phiền não phàm phu, dùng tài vật giáo phó mật hóa và rèn luyện tiểu tâm khiến Nhị thừa dần dần tiêu trừ phiền não. Đã lìa phàm phu hai hoặc cho nên nói chúng lại thanh tịnh.

4) Tin hiểu vững chắc: Trên nêu không chướng ngại nay biện có căn cơ có khả năng thọ, nghĩa là đại tín đại giải có thể được nghe kinh. Đại tín là độn căn đại giải là lợi căn, lại đại tín là đầu đại giải là sau, hai thứ này không lui sụt gọi là vững chắc.

5) Liễn đạt pháp không: Trước đã nghe Bát-nhã đồng Đại thừa rốt áo pháp Không khai ngộ đại tâm. Nếu chẳng nghe rốt ráo Không, pháp không có sở đắc thì nghe nói có Nhất thừa, không có ba thừa sẽ rơi vào Nhị kiến. Thâm nhập thiền định: chưa chắc là thâm nhập Bát thiền, như Đại Phẩm chép: Nhất tâm hướng Phật đạo không còn phàm phu Nhị thừa có sở đắc động tán vì vậy mà gọi là định.

“Liễn nhóm các Bồ-tát v.v...” là chính là nói. Câu đầu là nói tựa “vì nói kinh này” là nói về chính là nói, chính là nói tuy nhiều không ngoài lý không hai có một. “Các Tỳ-kheo nên biết v.v....” là nói Tiểu thừa. Sở dĩ nói Tiểu thừa: là đã nói không có hai thừa chỉ có một Phật thừa, mà xưa nói hai ấy là vì biết chúng sanh không kham nổi nghe Đại thừa chỉ ham muốn Tiểu thừa cho nên nói cho họ nghe Tiểu thừa. Văn có ba câu:

1) Biết căn cơ.

2) Vì hạng người này “nên nêu chính là nói”.

3) Người này nếu nghe: là nói được lợi ích.

Trong biết căn cơ chép: Như lai phương tiện giải thích cho nên có. Nghi rằng: Nếu không có hai thừa vì sao xưa nói có hai Niết-bàn, vì vậy nên giải thích rằng: Như lai có trí quyền xảo, tùy căn cơ mà làm cho nên

nói có hai. Người ấy nếu nghe thì liền tin nhận: Đã xứng căn cơ mà nói, tức liền tin được lợi ích.

“Thí như đường hiềm... dài năm trăm do tuần v.v...” là thí nói, gồm có chín phần. Phần thứ chín ít, tức nghe nhất thừa được lợi ích. Đây chia làm ba chương:

- 1) Nói Đại thừa.
- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.
- 3) Sau lại nói Đại thừa.

Sở dĩ khai ba thứ này có ba nghĩa:

- 1) Dụ cho trên: hai đời đầu cuối có ba việc:

a) mười sáu Sa-di ban đầu vì nói Đại thừa.

b) Giữa đường lui sụt Đại thừa vì nói pháp Tiểu thừa, nghĩa là đức Thích-ca ban đầu đến Lộc uyển rồi trước khi đến núi Linh Thứu.

c) Phế bỏ tiểu nói đại gọi là hội Pháp Hoa. Hai đời đầu cuối chỉ ba việc đây cho nên lập ba chương.

- 2) Chư Phật ba đời có ba thứ pháp luân:

a) Pháp luân căn bản gọi là Nhất thừa giáo.

b) Pháp luân chi mật tức ở Nhất thừa nói ba thừa. Gom ngọn về gốc gọi là gom ba về một. Vì hiển ba luân nên lập ba thí.

3) Trên phẩm Thí Dụ phá bốn thừa Thanh văn trước nói tiểu sau nói đại nên chia sáu thí dụ, nay vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn nên trước nói về nói đại, kế nêu tiểu sau nhiếp tiểu qui đại.

Phần đầu văn có ba câu:

1) Con đường xấu phải qua.

2) Người muốn đi qua.

3) Đạo sư muốn dẫn dắt. năm trăm do tuần: là con đường xấu phải qua.

Có người nói năm trăm ấy là dụ cho năm đường sanh tử. Nay nói không đúng, đâu thể khỏi ba đường ba trăm do tuần gọi là Nhị thừa. Lại Nhị thừa đã thoát khỏi năm đường nên đã vượt năm trăm do tuần. Có người nói có bốn thứ sanh tử:

- 1) Lưu lại sanh tử.
- 2) Biến dịch sanh tử.
- 3) Trung gian sanh tử.
- 4) Phần đoạn sanh tử.

Vượt ba trăm do tuần thoát phần đoạn sanh tử, vượt bốn trăm vượt khỏi Thất địa hai nước là vượt trung gian sanh tử, vượt năm trăm khỏi Bát địa trở lên là vượt biến dịch sanh tử. Có người nói ba cõi là ba trăm

do tuần, Thất trụ Nhị thừa là một trăm, bát trú trở lên lại là một trăm. Nay nói nghĩa đều không đúng trong Huyền Tán có giải thích đủ. Nay chánh lấy ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa làm hai trăm. Sở dĩ đây giải thích ấy là có nghĩa có văn. Nói có nghĩa: Nay chánh là hóa độ người Nhị thừa giúp cho đến Phật đạo, xưa đã vượt qua ba cõi chưa vượt qua địa vị Nhị thừa cũng còn ở trong đường ác, đâu phải trú trong đường ác mà là Niết-bàn ư? Nên phải bỏ thì chắc đến Phật đạo.

Hỏi: Nếu vượt ba cõi Nhị thừa làm sao đạt đến Phật đạo?

Đáp: Có hai thứ đến:

- 1) Nhân đến.
- 2) Quả đến.

Nhân đến như kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nghĩa là đến tâm Bồ-đề tức địa vị Thập trú thành người chủng tánh, khi đến địa vị này tránh khỏi địa vị phàm phu và thoát làm Nhị thừa ắt đến Phật đạo nên gọi là đến. Ba cõi là phần đoạn sanh tử, người Nhị thừa ở nơi biển dịch sanh tử, vượt qua năm thứ này tránh khỏi hai thứ sanh tử đắc Đại Niết-bàn gọi là quả đến.

Hỏi: Vì sao biết được có hai thứ đến?

Đáp: Kệ sau chép: “Nay vì ông nói thật, ông đắc chẳng phải diệt, vì nhất thiết trí Phật, nên phát đại tinh tấn”, đây là nhân đến. “Ông chứng nhất thiết trí, chính là chân thật diệt” gọi là quả đến.

Nói có văn chứng minh nghĩa là: luận Trí Độ giải thích Phẩm Văn Trì chép: Vượt qua bốn trăm do tuần tức biết cách thành ấp không xa. Ngài Long Thọ giải thích: ba trăm dụ ba cõi, bốn trăm dụ Nhị thừa, nhưng Đại Phẩm hiệp Nhị thừa làm một trăm, kinh này chia làm hai trăm, khai hiệp khác nhau mà nghĩa không khác. Lại vì Đại Phẩm chưa phế bỏ Nhị thừa kinh này mới phế bỏ, do đó nên khác, đều là con đường xấu hai giáo không khác. Lại kinh này trong phần hợp thí tự nói về ba cõi là ba trăm, Nhị thừa là hai trăm, các Sư Kinh nghĩa không xét ý văn mà theo chiều ngang có giải thích khác u. “Đường hiểm nạn dữ.” Là nói ý vượt qua. Ba cõi Hai thừa vượt qua thì khó, nên gọi là hiểm nạn. luận Trí Độ chép: Bồ-tát lui sụt có hai việc: Tham ba cõi và đấm Nhị thừa. Đường ác: ba cõi đối với Nhị thừa là đường ác, Nhị thừa lại là đường ác của Bồ-tát, cho nên Niết-bàn chép: Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện cho nên năm chỗ này đều gọi là đường ác. Lại ba cõi lấy ái làm gốc Nhị thừa lấy kiến làm gốc, ái kiến đều là ác. Lại ba trăm là phàm phu hữu kiến, hai trăm là Nhị thừa không kiến, các kiến đều là ác. Lại phàm phu

ngoại đạo cho rằng ba cõi là Niết-bàn đã là si mê điên đảo; Nhị thừa cho rằng biến dịch sanh tử là Niết-bàn cũng là si mê điên đảo, do đều cho sanh tử là Niết-bàn đều là vô thường mà chấp thường cho nên gọi là ác. “Nơi hoang vắng không có người:” năm trăm do tuần là xa nên nói hoang vắng, nơi Chư Phật Bồ-tát không trú ở nên nói không có người. “Chỗ ghê sợ:” Người học Đại thừa rất sợ năm chỗ này, ba cõi không an ổn cũng như nhà lửa các khổ đầy dẫy rất đáng sợ hãi. Cho nên Niết-bàn chép: Nay ta sợ đạo quả Nhị thừa, như người tiếc thân mạng lo sợ xả bỏ thân, luận Trí Độ có cây oan gia trên dụ, tức là việc ấy.

“Nếu có chúng đông” v.v... là nói người mãi mãi độ người, tức chúng do Sa-di hóa độ. Trên nói không có người trí, nay nêu người muốn vượt qua nhiều cho nên nói chúng nhiều. “Muốn vượt qua còn đường này đến chỗ châu báu”: Bồ-tát phát tâm gồm có hai ý:

1) Muốn độ phạm phu Nhị thừa.

2) Muốn cầu vô thượng Bồ-đề. “Có một đạo Sư” v.v... là nêu thầy dẫn dắt. Tức trên mười sáu Sa-di và Đức Phật Thích-ca, đạo đã không hai nên người thông đạt đạo cũng một.

Lại khéo biết tướng đường thông bít chỉ một người mà thôi cho nên nói một. Có người dẫn dắt tà chánh nên gọi là Đạo sư. “Thông minh sáng suốt”: Trí nghe ở tai gọi là thông minh, trí ở mắt nhìn gọi là sáng suốt, lược khen ngợi hai việc. Lại thông tuệ dụ cho chủng trí, minh đạt du cho ba đạt, chủng trí ngang chiếu muôn pháp, ba đạt dọc xét thấu ba đời. “Khéo biết rõ tướng thông bít của con đường hiểm” Biết đại căn cơ phát có khả năng vượt qua gọi là thông, không có khả năng vượt qua gọi là bít, lại biết được lý là thông, trái lý là bít, đây nói về trí bên trong của Đạo sư. “Dắt mọi người muốn vượt qua nạn đó...” là khen ngợi công năng hóa bên ngoài, chỉ hy vọng Phật đạo xa phải vượt hai thứ sanh tử, đó gọi là vượt qua nạn này. “Mọi người được dắt đi giữa đường lười mỗi” v.v... là nói về trung gian nói Tiểu thừa cũng có ba câu:

1) Biết tiểu căn cơ phát.

2) Nói Tiểu giáo.

3) Lãnh thọ giáo được lợi ích.

Tiểu căn cơ phát có hai:

1) Nêu tiểu căn cơ phát.

2) trí Phật chiếu soi.

Tiểu căn cơ phát có ba câu:

1) Nêu muốn lui sụt.

2) Giải thích muốn thoái.

3) Tổng kết muốn lui sụt nay là ban đầu.

Giữa đường: Là sơ phát tâm Đại thừa muốn vượt ngoài sanh tử xa cầu Phật đạo muốn lìa tiểu hạnh, mà đại giải chưa thành giữa đường lui sụt. Nếu thí dụ việc quá khứ trên thì từ xưa hóa về sau đến trước khi nay hóa độ: Giữa hai khoảng thời gian này phế bỏ đại tâm, lui mất đại hạnh cũng được gọi là trung gian chưa thành Phật đạo, gọi là giữa đường. “Bạch Đạo Sư rằng v.v...” Đã lui sụt Đại là có tiểu căn cơ nên bấu víu vào Phật để được tuệ Phật chiếu soi gọi là nghĩa “bạch đạo sư”. “Chúng con mệt mỏi lại thêm sợ sệt chẳng thể đi nữa, đường trước còn xa”.

Trên nêu mỗi mệt lui sụt, nay giải thích mệt mỗi lui sụt. Xét rằng lui sụt có ba việc:

1) Mệt nhọc nên thối lui, dụ cho tu tập Đại thừa quán giải yếu đuối, chưa đủ sức mạnh không thể tiến đến Phật đạo.

2) Sợ hãi nên lui sụt dụ trong sanh tử có nhiều hoạn nạn.

3) Đường xa nên lui sụt dụ cho Phật đạo trải qua ba a tăng kỳ rồi sau chính là bước vượt ngoài Tiểu thừa, một hạnh không kham tụ tập nên nói không thể tiến lên.

“Nay muốn lui về”: Câu này tổng kết nghĩa lui sụt, lui sụt có hai việc:

1) Lui sụt làm phạm phu.

2) Lui sụt làm Nhị thừa. Nay muốn lui sụt lại sanh tử nên nói lui sụt cũng được phát sanh mới đầu tức không cầu Phật nên dừng lại mà không tiến gọi là lui sụt.

Hỏi: Đây tức là lui sụt vì sao nói muốn thoái ư?

Đáp: Đây nói về căn tánh lui sụt bất định.

1) Có thể lui sụt làm phạm phu.

2) Có thể trú làm Nhị thừa.

3) Có thể tiến làm Bồ-tát. Do bất định nên nêu “muốn.”

“Vị đạo sư nhiều năng lực phương tiện...” nêu chiếu căn cơ cũng có ba câu:

1) Khen ngợi đức năng hóa có biết căn cơ.

2) Trình bày lỗi những người được hóa.

3) Giải thích lỗi của những người được hóa. Nhiều các phương tiện: Trước có khả năng dẫn hướng đại, nay lại giải thích khéo léo hướng tiểu cho nên nói nhiều. Lại buông lỏng mà thối, hoặc bức ngặt mà tiến, hoặc khiến mãi mãi trú Nhị thừa đều phải khéo léo, nay không khiến lui sụt làm phạm phu, lại không bức tiến cầu Phật, năng ở giữa đường quyền nói Tiểu thừa cuối cùng ngộ đại đạo cho nên nói nhiều

phương tiện. “Mà tự nghĩ rằng...” Là trình bày lỗi những người được hóa. Làm sao cam bỏ châu báu v.v...” là giải thích lỗi bỏ vui Phật pháp gọi là xả bỏ châu báu lớn, ưa khổ sanh tử là “mà muốn lui về,” nêu hai việc này giải thích nghĩa đáng thương. Nhiều phương tiện là khen ngợi Đạo sư có trí tuệ. “Đáng thương...” là khen ngợi Đạo sư từ bi.

“Suy nghĩ như vậy rồi...” là nói lập ra Tiểu giáo gồm có ba câu:

- 1) Chánh lập ra giáo.
- 2) Răn.
- 3) Khuyên.

Nhị thừa lợi độn tuy khác, đồng dứt phiền não ba cõi ở ngoài phần đoạn cho nên nói vượt qua ba trăm do tuần, chẳng thật rất ráo mà nói rất ráo cho nên gọi là hóa, nghĩa dứt hoặc đồng chứng vô vi không khác do đó gọi là một, ngăn hoạn nạn sanh tử nên gọi là thành. “Bảo mọi người rằng: Các ông chớ sợ đừng lui về v.v...” là răn. Chớ sợ: Không nên lo sợ nhiều về bệnh chết. Đừng lui sụt: Chớ đắm sanh tử năm dục. “Nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó...” là khuyên hệ lụy hết Niết-bàn so sánh vui trời người cho nên gọi là đại. hai thứ Niết-bàn là nơi dừng nghĩ cho nên gọi là “có thể ở trong đó”. “Tùy ý muốn làm gì thì làm” kết lụy đã tận tâm được tự tại. Nếu vào thành này sẽ rất được an ổn: Nếu chứng Niết-bàn đây là sanh tử nguy khổ. Có người nói phiền não đã tận, tùy ý tự tại tức Niết-bàn hữu dư, nếu vào thành này rất được an ổn tức hai loại nhân quả nguy khổ đều mất nghĩa là Niết-bàn vô dư. “Nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.” Có người nói quả Phật dụ như chỗ châu báu tức đảo châu báu người Thanh văn nếu năng phát tâm Bồ-đề cầu trí tuệ Phật cũng có thể đi được. Như đại Phẩm chép: Nếu năng phát tâm ta cũng tùy hỷ. Nếu căn cứ trong lý giải thích thì câu này hiển hóa ý của thành, nói giáo Nhị thừa khiến vốn khiến đắc Phật, thí như tạm dừng chân muốn cho tiến lên. Xưa không được hiển như ý này nên nhờ lập ra đây nói về tuy tạm chứng Tiểu thừa cuối cùng cũng trở về đại đạo. Nếu căn cứ giáo xưa nói về như nói sáu mươi kiếp tu đắc Thanh văn. Một trăm kiếp tu chứng Duyên giác, hai thứ này đồng chứng vô dư dụ có thể ở trong đó. Nay dụ Bồ-tát trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu hành đạt quả Phật cho nên nói nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.

“Bấy giờ chúng mỗi một rất vui mừng khen không hề có v.v...”

lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn có ba:

- 1) Tín thọ.
- 2) Tu hành.

3) Chứng Niết-bàn.

Nói giáo xứng căn cơ nên nói vui mừng. Khen không hề có: hai thứ Niết-bàn là pháp ra đời, thế gian không có nên nói không hề có. “Chúng con hôm nay tránh khỏi đường dữ” là lia khổ sanh tử “rất được an ổn”: Là được vui Niết-bàn. Đến nay về sau đều là mới nghe Phật giáo sanh tin nhận. “Đó rồi mọi người thẳng vào hóa thành v.v...” là nói về tu hành cầu Niết-bàn. “Sanh tâm nghĩ rằng cho là được độ rất được an ổn”: Là nói chứng quả Niết-bàn. Vượt khỏi sanh tử ba cõi gọi là nghĩ rằng đã được độ, chứng Niết-bàn vô dư là nghĩ rằng an ổn. Lại đắc hữu dư gọi là nghĩ rằng đã được độ, nhập vô dư gọi là nghĩ rằng được an ổn. Lại đắc Tận trí gọi là nghĩ rằng đã được độ, đắc Vô sanh trí gọi là nghĩ rằng được an ổn; chẳng thật rất ráo nên gọi là nghĩ rằng.

Hỏi: Người Vô học mới có thể nghĩ rằng đã được độ, phàm phu Hữu học cũng có thể nghĩ như vậy không?

Đáp: Hữu học, phàm phu chưa vượt ra ba cõi cũng cho là Niết-bàn Nhị thừa là pháp rất ráo cho nên cũng được khởi tưởng này.

“Lúc ấy Đạo sư biết v.v...” là nói sau lại nói Đại thừa. Văn có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.

Tránh lui sụt làm phàm phu trụ nơi tiểu Niết-bàn gọi là dừng, mong tiến cầu Phật đạo vì nghĩa tạm dừng chân cho nên nói nghĩ. “Không còn mỗi một”: Dùng pháp Tiểu thừa điều hòa tâm kia trừ được phiền não thô, dụng tâm dần mạnh có thể nghe được Đại thừa. Liền diệt hóa thành: “Nói thuyết giáo. Phế bỏ giáo Ba thừa rất ráo gọi là diệt, lại hội ba làm một không còn ba tên, cũng là diệt. “Bảo mọi người rằng:” Các ông nên đi tới:” Là khuyên người Thanh văn nên tu hành cầu Phật. “Chỗ châu báu ở gần đây”: là giải thích ý trên khuyên tiến lên, đường trước đã gần nên đi tới. Đã vượt qua ba trăm nay chỉ còn hai trăm nên gọi là gần. “Thành lớn trước đó: là của ta biến hóa”: Đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa. “Để nghĩ ngợi:” giải thích ý nói ba. Có dừng có nghĩ như hai nghĩa trước đã giải thích.

“Các Tỳ-kheo! v.v...” là hợp thí. Hiệp ba thí dụ làm ba riêng: Thí dụ đầu có ba câu:

- 1) Đường ác phải qua.
- 2) Người muốn vượt qua.
- 3) Nói về dẫn dắt.

Nay chánh hiệp thứ ba mà gồm hai nghĩa kia. “Biết các sanh tử

v.v...” hiệp trên dẫn dắt vượt qua đường ác, “nên bỏ nên vượt qua” hiệp trên khéo biết tướng thông bát bao gồm nghĩa người muốn vượt qua. “Nếu như chúng sanh v.v...” hiệp trên giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

- 1) Cơ phát.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích, nay hiệp đủ.

Trên căn cơ phát có hai:

- 1) Nêu cơ phát.
- 2) Chiếu căn cơ, nay hiệp đủ.

“Thì chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi”: Hiệp trên giữa đường mỗi một thối lui cho đến chúng con mỗi một. “Mà nghĩ thế này đạo Phật lâu dài:” Hiệp trên đường trước còn xa. “Lâu ngày chịu siêng năng khổ cực mới có thể thành tựu”: Hiệp trên mà lại sợ hãi. “Đức Phật biết tâm chúng đó yếu kém thấp hèn: Hiệp trước Đức Phật chiếu căn cơ. Dùng năng lực phương tiện: là hiệp chính là nói giáo. Nói hai thứ Niết-bàn: Hiệp trên hóa làm một thành.

Hỏi: Trên nói một thành nay vì sao nói hai thứ Niết-bàn ư?

Đáp: Có người chép: Trên nêu đồng dứt hoặc ba cõi nên nói một, nay căn cứ dư vô dư nên nói hai. Có người nói đại Niết-bàn là bậc nhất, nay là giữa đường Niết-bàn làm thứ hai nên gọi là hai. Như Kinh Thắng-man chép: Niết-bàn có hai thứ:

- 1) Vô dư ở Phật.
- 2) Hữu dư tại Nhị thừa.

Nay nói hai giải thích đều sai, văn này chỉ dùng người Nhị thừa chứng minh làm hai thứ Niết-bàn! Như kệ dưới nói “chỉ có một Phật thừa vì nghĩ nên nói hai”.

Hỏi: Trên vì sao nói một nay lại nói hai ư?

Đáp: Hàng nhị thừa có nghĩa đồng nghĩa khác nhau. Trên chấp đồng xuất ba cõi đồng chứng vô vi nên nói một, nay căn cứ người lợi độn khác nhau nên lại nêu hai. Lại muốn nêu năm trăm do tuần khai trên ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa Niết-bàn lại làm hai trăm, muốn kh-iến vượt địa vị Nhị thừa nên nói là hai.

Nếu chúng sanh trú nơi hai địa vị v.v... hiệp thứ ba sau lại nói đại. Văn trên có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo, nay hiệp đủ.

Văn đầu tức hiệp sau biết căn cơ, bao gồm hiệp trước thứ ba nghĩa

được lợi ích. Lại nói trụ nơi hai địa: Trên hiệp vượt qua ba trăm do tuần rồi, nay còn lại hai trăm nên nói hai địa, văn này phân rõ dùng ba cõi làm ba trăm dùng hai địa làm hai trăm. Các Sư xưa giải kinh không xét kỹ văn kia nên có các giải thích khác nhau. “Lúc bấy giờ Như lai v.v...” là chính là nói giáo. Đầu tiên hiệp liền diệt hóa thành. “Địa vị của các ông ở gần tuệ Phật”: Hiệp trên các ông hãy đi đến chỗ châu báu đã gần đến. “Nên quán sát suy lường Niết-bàn đã được đó đâu phải chân thật:” Hiệp trên thành lớn ấy do ta hóa ra. “Nhưng Nhị thừa có nghĩa gần tuệ Phật xa tuệ Phật, tự cho đã đắc Niết-bàn là cùng cực không chịu thọ Đại thừa cho nên kinh nói đất ở cao nguyên không sanh nở hoa sen, năm tội vô gián cũng năng phát ý, đây tức người Nhị thừa xa tuệ Phật không sánh bằng phàm phu. Nay nói gần: Do Nhị thừa dứt phiền não thô hơn người phàm phu cho nên nói gần. Như vị Đạo sư kia: Nêu thí dụ nhờ hiệp.

Kệ có bốn mươi chín hàng rưỡi tụng văn xuôi. Văn xuôi vốn có hai:

- 1) Nêu quá khứ kết duyên.
- 2) Hiện tại lại vì nói pháp, nay lại tụng hai thứ này.

Nói việc đời quá khứ lại có hai:

- 1) Lý do kết duyên.
- 2) Chánh kết duyên, nay lại tụng hai thứ này.

Trong lý do có hai:

- 1) Lý do xa.
- 2) Lý do gần, nay lại tụng hai thứ này.

Trong phần đầu có bốn:

- 1) Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.
- 2) mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp.
- 3) Đức Đại Thông Trí Thắng hiện tướng lành.
- 4) Mười Phạm vương xin nói pháp, nay tụng đủ bốn.

Đầu tiên vốn có ba:

- 1) Nói chưa thành Phật.
- 2) Chư thiên cúng dường.
- 3) Nói về thành Phật, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, kế hai bài tụng thứ hai, kế một bài tụng thứ ba. “Mười sáu người con Phật...” là xin xoay bánh xe pháp. Văn xuôi vốn có ba:

- 1) Mười sáu vương tử vủ xin pháp nên đến chỗ Phật.
- 2) Đến chỗ Phật nên cung kính khen ngợi.

3) Xin nói pháp, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, một câu tụng thứ hai. “Mà xin xoay bánh xe pháp...” ba câu tụng thứ ba. “Thế tôn rất khó gặp v.v...” tụng thứ ba hiện tướng lành. Trên có ba:

- 1) Đất rung chuyển.
- 2) Phát ra ánh sáng.
- 3) Chỗ hai tướng lành đến.

Nay một bài chỉ tụng thứ nhất. “Các thế giới phương Đông v.v...” là tụng thứ tư: Phạm thiên mười phương nhóm họp. Trên có ba:

- 1) Nêu Phạm chúng ba phương.
- 2) Nêu các chúng sáu phương.
- 3) Nêu phương trên.

Nay chia làm hai:

- 1) Ba hàng tụng một phương.
- 2) hai bài nêu chín phương.

Trên mỗi phương có sáu, nay chỉ tụng năm, lược không tụng nghĩa bàn tính. “Lại nữa chư Phạm vương thấy tướng này”: một câu bao hàm nơi nghĩa bàn tính cho nên tụng đủ sáu.

“Thế tôn tuệ vô lượng v.v...” tụng trên thứ hai lý do kết duyên gần, trên có bốn:

- 1) Thọ xin nói tiểu pháp.
- 2) mười sáu vương tử xin nói đại.
- 3) Thọ xin nói đại.
- 4) Nói kinh rồi, nhập định.

Nay tụng đủ. Trong thọ xin nói tiểu trên chia làm ba:

- 1) Chánh thọ xin.
- 2) Nêu một hội nói pháp.
- 3) Nêu nhiều hội nói pháp.

Nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất, hai bài rưỡi tụng thứ hai. “Sáu trăm muôn ức cai v.v...” Văn xuôi nêu sáu trăm muôn ức na do tha, nay nói cai là thay thế na do tha. “Thời nói pháp thứ hai:...” hai bài tụng nhiều hội nói pháp, “Bấy giờ mười sáu vị v.v...” tụng thứ hai xin nói đại pháp. Trên có ba:

- 1) Vì xin nên xuất gia có nửa hàng tụng.
- 2) Chánh xin một bài rưỡi, lược không tụng thứ ba vua và quyến thuộc.

“Phật biết tâm đồng tử...” tụng thứ ba thọ xin nói đại pháp, trên có ba:

- 1) Nói giáo.
- 2) Cảm ngộ khác nhau.
- 3) Nêu thời gian nói kinh. Nay hai bài rưỡi chỉ tụng thứ nhất.

“Đức Phật nói kinh xong:” Là tụng nói kinh xong nhập định trên có ba:

- 1) Nêu nhập định: nửa hàng.
- 2) Trú định: một câu.
- 3) Nêu thời gian trú trong định cũng một câu.

“Các vị Sa-di đó...” tụng chánh kết duyên, trên có hai:

- 1) Nêu một đời kết duyên.
- 2) Nêu đời đời gặp nhau, nay tụng đủ.

Chương đầu có bốn:

- 1) Biết Đức Phật nhập định chưa ra; nay nửa hàng tụng.
- 2) Chánh vì nói giáo v.v....: một bài rưỡi tụng.
- 3) Nêu thời chúng được lợi ích: một bài tụng. Lược không tụng thứ tư Phật từ trong định ra khen ngợi. “Sau khi Phật diệt độ v.v... tụng đời đời gặp nhau, văn xuôi có bốn:

- 1) Khen ngợi sở hóa được lợi ích một bài.

- 1) Nêu năng hóa thành Phật một bài.

- 3) Nêu kết hợp xưa nay một bài. Lược không tụng thứ tư vị lai gặp nhau.

“Ta ở số mười sáu...” tụng hiện tại nói pháp. Văn xuôi có bốn:

- 1) Pháp.

- 2) Dụ.

- 3) Hiệp.

- 4) Thiếp, nay tụng đủ. Hai bài đầu thứ nhất, văn trên có hai: trước nói Đại thừa, kế nói Tiểu thừa, nay chỉ tụng Đại thừa. “Thí như đường hiểm ác...” tụng thí nói.

Trên có ba:

- 1) nói Đại thừa.

- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.

- 3) Sau lại nói Đại, nay tụng đủ.

Trên thí dụ đầu có ba:

- 1) Vượt đường ác.

- 2) Người cầu vượt qua.

- 3) Làm thầy dẫn dắt, nay tụng đủ.

“Nhiều thú độc hiểm...” có ái kiến phiền não năng hại pháp thân tuệ mạng là thú dữ. “Lại không có đủ cỏ nước:” là không có định tuệ vô

lậu của Đại thừa để tự nuôi nấng. “Vô số ngàn muôn chúng”: là người muốn vượt qua. “Bấy giờ có đạo sư là thầy dẫn dắt. “Mọi người đều mỗi một” v.v... là tụng giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích, nay tụng đủ.

Trên biết căn cơ có hai:

- 1) Tiểu căn cơ phát một bài tụng.
- 2) Chiếu căn cơ một bài tụng.

“Liên lại nghĩ phương tiện v.v...” là chính là nói giáo, trên có ba:

- 1) Nói giáo.
- 2) Rèn.
- 3) Khuyên, nay tụng đủ.

Thành quách: Thành: là thí dụ riêng hai thứ Niết-bàn. Quách: là quách ấp ngoài thành, chung thí dụ vô học quả vị các công đức. “Các nhà cửa trang nghiêm v.v...” Nhà cửa vườn rừng đều ở trong thành, riêng thí dụ các công đức của quả địa năm ấm hữu lậu đã gọi là nhà cửa sanh tử, năm ấm vô lậu là chỗ dừng nghỉ của bậc Thánh gọi là nhà cửa. “Bốn bề có vườn rừng...” Kinh Tịnh Danh lấy tổng trì làm vườn, Tiểu thừa cũng tùy phần có. Trong Kinh A-hàm nói từ bi hỷ xả làm bốn bên vườn, các hành vô lậu gọi là rừng. “Sông ngòi và ao tắm” v.v... chín thứ lớp định lại rót vào nhau gọi là sông ngòi, tám thứ giải thoát gọi là ao tắm.

Kinh A-hàm lấy Bốn thiền là bốn ao:

- 1) Ao có giác có quán.
- 2) Ao không giác không quán.
- 3) Ao hộ niệm thanh tịnh.
- 4) Ao không khổ không lạc.

“Cửa lớn lầu gác cao” ba Tam-muội gọi là cửa lớn, Tận Vô sanh trí gọi là lầu gác cao. Lại trong các thiền có luân thiền luyện thiền đều điểm cùng cực của thiền gọi là lầu gác cao. “Nam nữ đều đồng đức”: Định tuệ là nam nữ, cũng được gọi tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam, Thanh văn tùy phần có. “Hòa ra thành đó rồi” v.v... nửa hàng tụng về răn bảo, kế nửa hàng tụng khuyên.

“Mọi người đã vào thành...” một hàng tụng được lợi ích. “Đạo Sư biết nghĩ xong...” tụng sau nói Đại thừa. Trên có hai:

- 1) Biết căn cơ: câu đầu tụng.
- 2) Nói giáo hai bài một câu tụng. “Ta cũng giống như vậy vậy...”

tụng hợp thí. Trên có ba: Đầu nói Đại thừa. Kế nói Tiểu thừa. Kế sau lại nói Đại thừa, nay tụng đủ.

Nửa bài đầu tụng thứ nhất nói Đại thừa. “Thấy những người cầu đạo” v.v... hiệp thứ hai giữa đường nói Tiểu thừa. Văn trên có ba:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích.

Hàng đầu tụng thứ nhất, hàng kế tụng thứ hai. “Đã biết đến Niết-bàn...” tụng thứ ba: sau lại nói Đại thừa. Trên có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.

Nửa bài tụng thứ nhất tức gồm tụng trên thứ ba được lợi ích, ba hàng rưỡi tụng thứ hai. “Chư Phật là đạo Sư...” một bài tụng thứ tư nêu dụ nhờ hiệp.

Năm giáp Ngọ Niên hiệu Vĩnh nhân vào trung tuần Hoàng chung kêu gọi nam nữ hiệp sức vận công khắc bản kinh này, văn tụng được lưu hành khắp mong trên đền đáp bốn ân dưới cứu giúp ba cõi.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

